

Bản án số: 25/2018/KDTM-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Tường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Xoa**.

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Công ty cổ phần K.*

Trụ sở: Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Nguyên V** – chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp K (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 712/UB-KKMT ngày 03 tháng 11 năm 2017).

** Bị đơn:*

- ông **Phan Nhật T** – sinh năm 1959 (vắng mặt)

- bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P.

Trụ sở: số Trần Cẩm, tổ, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo pháp luật: ông **Phan Nhật T** - sinh năm 1959 (vắng mặt)*
– chức vụ: giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty cổ phần K trình bày:

Xí nghiệp kinh doanh K là đơn vị trực thuộc Công ty CP K (sau đây gọi tắt là Công ty K) và Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P (sau đây gọi tắt là Công ty P) có ký hợp đồng số 48/XN2-PTP ngày 01 tháng 12 năm 2016 mua bán sắt thép các loại. Ngày 20 tháng 4 năm 2017, giữa các bên cùng vợ chồng ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H ký phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ/XN2-PTP theo đó vợ chồng ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H bảo lãnh thanh toán thay cho bên mua hàng là Công ty P theo hợp đồng mua bán 48/XN2-PTP ngày 01 tháng 12 năm 2016.

Thực hiện hợp đồng, theo yêu cầu của bên mua, từ ngày 12 tháng 12 năm 2016 đến ngày 22 tháng 4 năm 2017, Công ty K đã giao cho Công ty P lượng hàng hóa có tổng giá trị 2.207.087.080đ. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 02 tháng 6 năm 2017 thì Công ty P còn nợ Công ty K số tiền 1.562.087.080đ. Dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty P không trả nợ nên Công ty K đã khởi kiện Công ty P tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để đòi số nợ gốc là 1.088.665.703đ. Bản án số 28/2018/KDTM-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 đã hiệu lực pháp luật đã chấp nhận yêu cầu này của Công ty K. Như vậy theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 02 tháng 6 năm 2017 thì Công ty P còn nợ Công ty K số tiền 473.421.377đ. Đối với số nợ còn lại này, dù đã yêu cầu vợ chồng ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H với tư cách là bên bảo lãnh thanh toán thay cho bên được bảo lãnh, tuy nhiên họ vẫn không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết.

Nay Công ty K khởi kiện yêu cầu ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Công ty K số tiền 473.421.377đ nợ gốc và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Nguyên V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đối với bị đơn là ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại điều 6 của hợp đồng số 48/XN2-PTP ngày 01 tháng 12 năm 2016, các bên tham gia giao dịch lựa chọn Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là Tòa án giải quyết tranh chấp phát sinh. Tại điều 2 phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ/XN2-PTP ngày 20 tháng 4 năm 2017 thì ngoài những thỏa thuận mới về

việc bảo lãnh thanh toán thì các bên bảo lưu các điều khoản còn lại của hợp đồng mua bán hàng hóa. Do đó tranh chấp giữa Công ty cổ phần K với ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc là 473.421.377đ thì thấy các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là biên bản đối chiếu công nợ ngày 02 tháng 6 năm 2017, hợp đồng số 48/XN2-PTP ngày 01 tháng 12 năm 2016 là có cơ sở để xác định Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P còn nợ Công ty CP K số tiền mua hàng như nêu trên nhưng chưa trả. Bên cạnh đó, trên cơ sở các thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHD/XN2-PTP ngày 20 tháng 4 năm 2017 thì số nợ này thuộc phạm vi bảo lãnh thanh toán của bị đơn là ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các quy định tại điều 50 Luật thương mại, điều 335, 339, 342 Bộ luật dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với họ.

Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ là 473.421.377đ nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu là 22.936.855đ. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 11.468.427đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng điều 335, 339, 342 Bộ luật dân sự
- Áp dụng các điều 24, 50 Luật Thương mại;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty CP K đối với ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H.

Tuyên xử: Buộc ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Công ty CP K số tiền 473.421.377đ (bốn trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm hai mươi một ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty CP K có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.936.855đ (Hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng) ông Phan Nhật T và bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty CP K số tiền tạm ứng án phí là 11.468.427đ (mười một triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng) đã nộp theo biên lai thu số 3385 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Đà Nẵng
- VKSNDQ. Hải Châu
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- lưu văn thư

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Khắc Tường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Trà

Phạm Xoa

Phạm Khắc Tường

